

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Nông nghiệp và Môi trường
VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2024

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	SAU ĐẠI HỌC			15	3	20
1	Tiến sĩ			15	3	20
1.1	Tiến sĩ chính quy			15	3	20
1.1.1	Sản xuất và chế biến	954		2	1	50
1.1.1.1	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	Sản xuất và chế biến	2	1	50
1.1.2	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	962		13	2	15.38
1.1.2.1	Lâm sinh	9620205	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5	0	0
1.1.2.2	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	9620207	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3	2	66.66
1.1.2.3	Điều tra và quy hoạch rừng	9620208	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2	0	0
1.1.2.4	Quản lý tài nguyên rừng	9620211	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3		0
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài					



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Nông nghiệp và Môi trường
N KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2025

1. Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Điều tra và quy hoạch rừng	9620208	70/QLKH	19/01/1983	1040/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1983	2022
2	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	809/QĐ-QLKH	29/08/1985	1040/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1985	2022
3	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	9620207	70/QLKH	19/01/1983	1040/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1983	2022
4	Quản lý tài nguyên rừng	9620211	70/QLKH	19/01/1983	1040/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1983	2022
5	Lâm sinh	9620205	70/QLKH	19/01/1983	1040/QĐ-BGDĐT	21/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	1983	2022



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng,năm sinh	Số CMTND/CCCD / hộ chiếu	Quốc tịch	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo
1	Nguyễn Đức Thành	11/12/1986	037086003634	Việt Nam	Nam	26/06/2017	HDLĐ không xác định thời hạn	26/06/2017			Tiến sĩ	Kỹ thuật chế biến lâm sản
2	Bùi Thị Thủy	02/10/1977	031177000167	Việt Nam	Nữ	26/10/2009	HDLĐ không xác định thời hạn	26/10/2009			Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
3	Trần Hoàng Quý	02/01/1984	044084005494	Việt Nam	Nam	31/12/2021	HDLĐ không xác định thời hạn	31/12/2021			Tiến sĩ	Điều tra và quy hoạch rừng
4	Kiều Tuấn Đạt	08/02/1977	001077011782	Việt Nam	Nam	26/03/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	26/03/2003			Tiến sĩ	Điều tra và quy hoạch rừng
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14/09/1965	000011732152	Việt Nam	Nam	30/10/2021	HDLĐ không xác định thời hạn	30/10/2021		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật chế biến lâm sản
6	Trần Hữu Biển	07/10/1976	036076012236	Việt Nam	Nam	23/06/2000	HDLĐ không xác định thời hạn	23/06/2000			Tiến sĩ	Di truyền và chọn giống cây LN
7	Lê Văn Bình	19/09/1978	001078039778	Việt Nam	Nam	26/06/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	26/06/2003			Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
8	Nguyễn Hồng Minh	02/06/1974	022074010758	Việt Nam	Nam	15/09/2010	HDLĐ không xác định thời hạn	15/09/2010			Tiến sĩ	Kỹ thuật chế biến lâm sản
9	Đào Ngọc Quang	13/05/1975	000013357813	Việt Nam	Nam	10/04/1999	HDLĐ không xác định thời hạn	10/04/1999		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
10	Lưu Cảnh Trung	03/08/1975	020575000053	Việt Nam	Nam	01/04/2000	HDLĐ không xác định thời hạn	01/04/2000			Tiến sĩ	Điều tra và quy hoạch rừng
11	Ngô Thị Thanh Huệ	07/06/1986	001186000445	Việt Nam	Nữ	27/12/2013	HDLĐ không xác định thời hạn	27/12/2013			Tiến sĩ	Lâm sinh
12	Nguyễn Việt Xuân	24/01/1980	001080004534	Việt Nam	Nam	27/12/2013	HDLĐ không xác định thời hạn	27/12/2013			Tiến sĩ	Lâm sinh
13	Phí Hồng Hải	15/04/1972	037072000002	Việt Nam	Nam	01/09/1994	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1994		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Lâm sinh
14	Phạm Duy Long	09/04/1988	000131458179	Việt Nam	Nam	28/08/2012	HDLĐ không xác định thời hạn	28/08/2012			Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
15	Triệu Thái Hưng	20/08/1980	000012165192	Việt Nam	Nam	01/07/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	01/07/2003			Tiến sĩ	Điều tra và quy hoạch rừng
16	Đặng Quang Hưng	15/11/1974	031074008985	Việt Nam	Nam	04/10/1999	HDLĐ không xác định thời hạn	04/10/1999			Tiến sĩ	Lâm sinh
17	Nguyễn Bá Triệu	24/01/1976	035076004248	Việt Nam	Nam	01/08/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	01/08/2003			Tiến sĩ	Lâm sinh
18	Vũ Tấn Phương	31/12/1970	011924666	Việt Nam	Nam	01/09/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	01/09/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh
19	Đinh Thanh Giang	13/07/1971	000012513969	Việt Nam	Nam	22/05/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	22/05/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh
20	Hà Văn Tiệp	09/10/1972	034072010078	Việt Nam	Nam	22/05/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	22/05/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh

21	Trần Văn Đô	30/04/1975	001075015941	Việt Nam	Nam	01/12/1998	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/12/1998			Tiến sĩ	Lâm sinh
22	Nguyễn Thị Hải	14/02/1984	001184020478	Việt Nam	Nữ	09/12/2016	HĐLĐ không xác định thời hạn	09/12/2016			Tiến sĩ	Lâm học
23	Phạm Quang Tuyền	02/12/1982	036082001561	Việt Nam	Nam	01/04/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2005			Tiến sĩ	Lâm sinh
24	Trần Văn Con	06/05/1982	000230451079	Việt Nam	Nam	02/01/2020	HĐLĐ không xác định thời hạn	02/01/2020		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Điều tra và quy hoạch rừng
25	Lê Sơn	07/03/1977	022077000018	Việt Nam	Nam	02/11/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	02/11/2000			Tiến sĩ	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp
26	Nguyễn Tử Kim	27/05/1973	001073030811	Việt Nam	Nam	04/04/1996	HĐLĐ không xác định thời hạn	04/04/1996			Tiến sĩ	Kỹ thuật chế biến lâm sản
27	Nguyễn Văn Định	12/07/1977	027077011096	Việt Nam	Nam	26/06/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	26/06/2003			Tiến sĩ	Kỹ thuật chế biến lâm sản
28	Vũ Văn Đình	05/01/1982	031082012638	Việt Nam	Nam	31/08/2008	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/08/2008			Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
29	Nguyễn Minh Chi	07/08/1979	001079001630	Việt Nam	Nam	26/06/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	26/06/2003		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
30	Nguyễn Thị Thủy Nga	14/12/1977	036177018410	Việt Nam	Nữ	26/06/2003	HĐLĐ không xác định thời hạn	26/06/2003			Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
31	Võ Đại Hải	07/08/1964	038064000034	Việt Nam	Nam	21/02/1991	HĐLĐ không xác định thời hạn	21/02/1991		Giáo sư	Tiến sĩ	Lâm sinh
32	Hoàng Văn Thắng	01/10/1976	038076001410	Việt Nam	Nam	23/06/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	23/06/2000		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Lâm sinh
33	Đỗ Hữu Sơn	11/10/1980	001080042732	Việt Nam	Nam	27/12/2013	HĐLĐ không xác định thời hạn	27/12/2013			Tiến sĩ	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp
34	Nguyễn Quang Dũng	19/09/1980	001080049934	Việt Nam	Nam	27/12/2014	HĐLĐ không xác định thời hạn	27/12/2014			Tiến sĩ	Lâm sinh
35	Lê Cảnh Nam	19/09/1971	066071000282	Việt Nam	Nam	04/10/1999	HĐLĐ không xác định thời hạn	04/10/1999			Tiến sĩ	Lâm sinh
36	Vũ Đình Hưởng	14/12/1972	000023798878	Việt Nam	Nam	01/01/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/01/2000			Tiến sĩ	Lâm sinh
37	Phạm Đình Sâm	12/04/1976	017076000996	Việt Nam	Nam	28/03/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	28/03/2005			Tiến sĩ	Lâm sinh
38	Phạm Quang Thu	06/09/1959	000012927692	Việt Nam	Nam	01/02/1993	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/02/1993		Giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
39	Phạm Xuân Đình	19/02/1974	001970461000	Việt Nam	Nam	23/06/2000	HĐLĐ không xác định thời hạn	23/06/2000			Tiến sĩ	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp
40	Phan Minh Quang	05/09/1984	000111867330	Việt Nam	Nam	12/01/1997	HĐLĐ không xác định thời hạn	12/01/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh
41	Nguyễn Văn Thịnh	29/06/1980	001080011753	Việt Nam	Nam	01/04/2005	HĐLĐ không xác định thời hạn	01/04/2005			Tiến sĩ	Điều tra và quy hoạch rừng
42	Trần Lâm Đồng	20/10/1973	017073000027	Việt Nam	Nam	05/01/1997	HĐLĐ không xác định thời hạn	05/01/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh
43	Nguyễn Bảo Ngọc	23/07/1985	048085000092	Việt Nam	Nam	31/12/2015	HĐLĐ không xác định thời hạn	31/12/2015			Tiến sĩ	Kỹ thuật chế biến lâm sản

44	Trần Thanh Trắng	03/08/1976	036076034714	Việt Nam	Nam	23/06/2000	HDLĐ không xác định thời hạn	23/06/2000			Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
45	Nguyễn Toàn Thắng	14/05/1977	000012906218	Việt Nam	Nam	01/07/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	01/07/2003			Tiến sĩ	Lâm sinh
46	Nguyễn Văn Thọ	30/11/1975	001075028665	Việt Nam	Nam	15/09/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	15/09/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh
47	Đặng Thịnh Triều	01/11/1968	000012096661	Việt Nam	Nam	05/01/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	05/01/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh
48	Hoàng Văn Thơi	27/02/1964	038064001593	Việt Nam	Nam	23/06/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	23/06/1997			Tiến sĩ	Lâm sinh
49	Nguyễn Thị Thủy Hường	28/09/1984	001184017555	Việt Nam	Nữ	25/12/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	25/12/2015			Tiến sĩ	Lâm sinh
50	Lại Thanh Hải	19/09/1966	001066006121	Việt Nam	Nam	01/11/1989	HDLĐ không xác định thời hạn	01/11/1989			Tiến sĩ	Lâm sinh
51	Hoàng Việt Anh	27/07/1974	000011815384	Việt Nam	Nam	22/05/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	22/05/1997			Tiến sĩ	Điều tra và quy hoạch rừng
52	Hoàng Liên Sơn	13/11/1967	000012096923	Việt Nam	Nam	22/09/1995	HDLĐ không xác định thời hạn	22/09/1995			Tiến sĩ	Lâm sinh
53	Đặng Như Quỳnh	15/05/1983	015183008652	Việt Nam	Nữ	31/12/2015	HDLĐ không xác định thời hạn	31/12/2015			Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên rừng
54	Ngô Văn Cẩm	20/08/1975	001075039273	Việt Nam	Nam	26/06/2003	HDLĐ không xác định thời hạn	26/06/2003			Tiến sĩ	Lâm sinh
55	Lê Văn Thành	15/01/1971	001071015303	Việt Nam	Nam	04/10/1999	HDLĐ không xác định thời hạn	04/10/1999			Tiến sĩ	Lâm sinh
56	Nguyễn Đức Kiên	21/06/1974	001074011421	Việt Nam	Nam	25/12/1997	HDLĐ không xác định thời hạn	25/12/1997			Tiến sĩ	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp
57	Bùi Duy Ngọc	15/04/1974	034074001674	Việt Nam	Nam	14/12/1998	HDLĐ không xác định thời hạn	14/12/1998			Tiến sĩ	Kỹ thuật chế biến lâm sản

GIÁM ĐỐC



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

2.1.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành					Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
							Lâm sinh	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	Kỹ thuật chế biến lâm sản	Quản lý tài nguyên rừng	Điều tra và quy hoạch rừng		
							9620205	9620207	9549001	9620211	9620208		
1	Nguyễn Đức Thành	11/12/1986	037086003634	Kỹ thuật chế biến lâm sản		Tiến sĩ			20			1	20
2	Bùi Thị Thùy	02/10/1977	031177000167	Quản lý tài nguyên rừng		Tiến sĩ				20		1	20
3	Trần Hoàng Quý	02/01/1984	044084005494	Điều tra và quy hoạch rừng		Tiến sĩ	10					1	10
4	Kiểu Tuấn Đạt	08/02/1977	001077011782	Điều tra và quy hoạch rừng		Tiến sĩ	20				20	2	40
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14/09/1965	000011732152	Kỹ thuật chế biến lâm sản	Phó giáo sư	Tiến sĩ			20			1	20
6	Trần Hữu Biển	07/10/1976	036076012236	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp		Tiến sĩ	20	20				2	40
7	Lê Văn Bình	19/09/1978	001078039778	Quản lý tài nguyên rừng		Tiến sĩ				20		1	20
8	Nguyễn Hồng Minh	02/06/1974	022074010758	Kỹ thuật chế biến lâm sản		Tiến sĩ			100			1	100
9	Đào Ngọc Quang	13/05/1975	000013357813	Quản lý tài nguyên rừng	Phó giáo sư	Tiến sĩ				40		1	40
10	Lưu Cảnh Trung	03/08/1975	020575000053	Điều tra và quy hoạch rừng		Tiến sĩ	20					1	20
11	Nguyễn Viết Xuân	24/01/1980	001080004534	Lâm sinh		Tiến sĩ	20					1	20
12	Phí Hồng Hải	15/04/1972	037072000002	Lâm sinh	Phó giáo sư	Tiến sĩ		80				1	80
13	Phạm Duy Long	09/04/1988	000131458179	Quản lý tài nguyên rừng		Tiến sĩ				20		1	20
14	Triệu Thái Hưng	20/08/1980	000012165192	Điều tra và quy hoạch rừng		Tiến sĩ	60				20	2	80
15	Nguyễn Bá Triệu	24/01/1976	035076004248	Lâm sinh		Tiến sĩ	20					1	20
16	Vũ Tấn Phương	31/12/1970	011924666	Lâm sinh		Tiến sĩ	20					1	20
17	Đinh Thanh Giang	13/07/1971	000012513969	Lâm sinh		Tiến sĩ	10					1	10
18	Hà Văn Tiếp	09/10/1972	034072010078	Lâm sinh		Tiến sĩ			20			1	20
19	Trần Văn Đô	30/04/1975	001075015941	Lâm sinh		Tiến sĩ	20					1	20
20	Nguyễn Thị Hải	14/02/1984	001184020478	Lâm học		Tiến sĩ	10					1	10
21	Phạm Quang Tuyến	02/12/1982	036082001561	Lâm sinh		Tiến sĩ	20					1	20
22	Trần Văn Con	06/05/1982	000230451079	Điều tra và quy hoạch rừng	Phó giáo sư	Tiến sĩ					20	1	20
23	Lê Sơn	07/03/1977	022077000018	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp		Tiến sĩ		20				1	20
24	Nguyễn Từ Kim	27/05/1973	001073030811	Kỹ thuật chế biến lâm sản		Tiến sĩ			20			1	20

25	Nguyễn Văn Định	12/07/1977	027077011096	Kỹ thuật chế biến lâm sản		Tiến sĩ		100			1	100
26	Vũ Văn Định	05/01/1982	031082012638	Quản lý tài nguyên rừng		Tiến sĩ			20		1	20
27	Nguyễn Minh Chí	07/08/1979	001079001630	Quản lý tài nguyên rừng	Phó giáo sư	Tiến sĩ			40		1	40
28	Nguyễn Thị Thúy Nga	14/12/1977	036177018410	Quản lý tài nguyên rừng		Tiến sĩ			20		1	20
29	Võ Đại Hải	07/08/1964	038064000034	Lâm sinh	Giáo sư	Tiến sĩ	80				1	80
30	Hoàng Văn Thắng	01/10/1976	038076001410	Lâm sinh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	40				1	40
31	Đỗ Hữu Sơn	11/10/1980	001080042732	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp		Tiến sĩ		20			1	20
32	Nguyễn Quang Dũng	19/09/1980	001080049934	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
33	Lê Cảnh Nam	19/09/1971	066071000282	Lâm sinh		Tiến sĩ	10				1	10
34	Vũ Đình Hường	14/12/1972	000023798878	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
35	Phạm Đình Sâm	12/04/1976	017076000996	Lâm sinh		Tiến sĩ	10				1	10
36	Phạm Quang Thu	06/09/1959	000012927692	Quản lý tài nguyên rừng	Giáo sư	Tiến sĩ			60		1	60
37	Phạm Xuân Đình	19/02/1974	001970461000	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp		Tiến sĩ		20			1	20
38	Phan Minh Quang	05/09/1984	000111867330	Lâm sinh		Tiến sĩ	10				1	10
39	Nguyễn Văn Thịnh	29/06/1980	001080011753	Điều tra và quy hoạch rừng		Tiến sĩ	10			20	2	30
40	Trần Lâm Đồng	20/10/1973	017073000027	Lâm sinh		Tiến sĩ	40				1	40
41	Nguyễn Bảo Ngọc	23/07/1985	048085000092	Kỹ thuật chế biến lâm sản		Tiến sĩ		20			1	20
42	Trần Thanh Trăng	03/08/1976	036076034714	Quản lý tài nguyên rừng		Tiến sĩ			40		1	40
43	Nguyễn Toàn Thắng	14/05/1977	000012906218	Lâm sinh		Tiến sĩ	40				1	40
44	Nguyễn Văn Thọ	30/11/1975	001075028665	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
45	Đặng Thịnh Triều	01/11/1968	000012096661	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
46	Hoàng Văn Thơi	27/02/1964	038064001593	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
47	Nguyễn Thị Thúy Hường	28/09/1984	001184017555	Lâm sinh		Tiến sĩ	10				1	10
48	Lại Thanh Hải	19/09/1966	001066006121	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
49	Hoàng Việt Anh	27/07/1974	000011815384	Điều tra và quy hoạch rừng		Tiến sĩ	10				1	10
50	Hoàng Liên Sơn	13/11/1967	000012096923	Lâm sinh		Tiến sĩ	10				1	10
51	Đặng Như Quỳnh	15/05/1983	015183008652	Quản lý tài nguyên rừng		Tiến sĩ khoa học			20		1	20
52	Ngô Văn Cẩm	20/08/1975	001075039273	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
53	Lê Văn Thành	15/01/1971	001071015303	Lâm sinh		Tiến sĩ	20				1	20
54	Nguyễn Đức Kiên	21/06/1974	001074011421	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp		Tiến sĩ		60			1	60
55	Bùi Duy Ngọc	15/04/1974	034074001674	Kỹ thuật chế biến lâm sản		Tiến sĩ					1	20



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

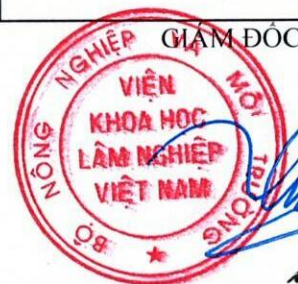
Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Nông nghiệp và Môi trường
VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			25
1	Tiến sĩ			25
1.1	Tiến sĩ chính quy			25
1.1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	962		23
1.1.1.1	Lâm sinh	9620205	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	14
1.1.1.2	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	9620207	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3
1.1.1.3	Điều tra và quy hoạch rừng	9620208	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	0
1.1.1.4	Quản lý tài nguyên rừng	9620211	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6
1.1.2	Sản xuất và chế biến	954		2
1.1.2.1	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	Sản xuất và chế biến	2
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2025 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
A	SAU ĐẠI HỌC			0	4
1	Tiến sĩ			0	4
1.1	Tiến sĩ chính quy			0	4
1.1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	962		0	4
1.1.1.1	Lâm sinh	9620205	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4	3
1.1.1.2	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	9620207	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4	0
1.1.1.3	Điều tra và quy hoạch rừng	9620208	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4	0
1.1.1.4	Quản lý tài nguyên rừng	9620211	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4	1
1.1.2	Sản xuất và chế biến	954		0	0
1.1.2.1	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	Sản xuất và chế biến	4	0
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			0	0



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ						
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	962	2	5	44	51	48.4
1.1	Quản lý tài nguyên rừng	9620211	1	2	7	10	13
1.2	Lâm sinh	9620205	1	1	29	31	24.4
1.3	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	9620207	0	1	5	6	8.2
1.4	Điều tra và quy hoạch rừng	9620208	0	1	3	4	2.8
2	Sản xuất và chế biến	954	0	1	7	8	10
2.1	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	0	1	7	8	10
	Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ		2	6	51	59	58.4



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ						
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	962	0	0	0	0	0
1.1	Điều tra và quy hoạch rừng	9620208	0	0	0	0	0
1.2	Lâm sinh	9620205	0	0	0	0	0
1.3	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	9620207	0	0	0	0	0
1.4	Quản lý tài nguyên rừng	9620211	0	0	0	0	0
2	Sản xuất và chế biến	954	0	0	0	0	0
2.1	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	0	0	0	0	0
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy tiến sĩ		0	0	0	0	0

GIÁM ĐỐC



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2024

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	7	2885
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	300
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	1	650
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	1	120
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	1	800
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	3	1015
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	700
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	4	373
	TỔNG	12	3958



Võ Đại Hải

Ngày xuất: 29/04/2025 08:53

Cơ quan quản lý trực tiếp
Bộ Nông nghiệp và Môi trường
VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	TỔNG CHỈ TIÊU CHÍNH QUY SO SÁNH CƠ SỞ VẬT CHẤT (3 + 6)			1414	0	0
A	SAU ĐẠI HỌC			37	0	15
1	Tiến sĩ			37	0	15
1.1	Tiến sĩ chính quy			37	0	15
1.1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	962		29	0	13
1.1.1.1	Lâm sinh	9620205	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	13		5
1.1.1.2	Di truyền và chọn giống cây lâm nghiệp	9620207	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5		3
1.1.1.3	Điều tra và quy hoạch rừng	9620208	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3		2
1.1.1.4	Quản lý tài nguyên rừng	9620211	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8		3
1.1.2	Sản xuất và chế biến	954		8	0	2
1.1.2.1	Kỹ thuật chế biến lâm sản	9549001	Sản xuất và chế biến	8		2
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài				0	0



Võ Đại Hải